

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trí và bà Nguyễn Thị Ly

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên tòa:** không tham gia.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 543/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc “tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Lê Quốc N, sinh ngày 20/12/1995, số căn cước công dân 089095015399; địa chỉ: số C, tổ A, ấp L, xã L, huyện C (nay là xã N), tỉnh An Giang; có văn bản xin vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Trần Phan Ngọc H, sinh ngày 20/11/2001, số căn cước công dân 089301004370; địa chỉ: số F, tổ B, ấp L, xã L, huyện C (nay là xã N), tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Lê Quốc N trình bày: Ông N và bà Trần Phan Ngọc H do quen biết và có tình cảm với nhau, tuy chưa sống chung với nhau nhưng ông N và bà H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C (nay là xã N), tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận số 31 ngày 18/3/2025. Sau khi đăng ký kết hôn với bà H, trong quá trình chuẩn bị tổ chức lễ cưới thì thường xuyên bất đồng ý kiến, hay xảy ra mâu thuẫn, hai người cảm thấy không hợp nhau và không thể tiến tới tổ chức đám cưới và sống chung với nhau được. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được nên ông N yêu cầu được ly hôn với bà Trần Phan Ngọc H; Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: không có.

Bị đơn bà Trần Phan Ngọc H không gửi ý kiến cho Tòa án, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Quốc N khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với bà Trần Phan Ngọc H. Bà H có nơi cư trú trên địa bàn xã N, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Ông Lê Quốc N, có đơn xin vắng mặt; bà Trần Phan Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Lê Quốc N và bà Trần Phan Ngọc H là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn. Ông N, bà H thường xuyên bất đồng ý kiến, hay xảy ra mâu thuẫn và không sống chung với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng ông N xin ly hôn với bà H, ông N, bà H không có sống chung với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, chính vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho nên Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N.

[4] Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Ông Lê Quốc N khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

[5] Về án phí: Ông Lê Quốc N phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc N.

1) Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Quốc N ly hôn với bà Trần Phan Ngọc H.

2) Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Ông Lê Quốc N khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

4) Về án phí: Ông Lê Quốc N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0024800 ngày 13/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh A). Ông Lê Quốc N đã nộp đủ.

5) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11-An Giang;;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Nhơn Mỹ, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng